TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày: 06 - 7 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2013/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2013 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1960 (có mặt)

Cư trú tại: thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn H: Ông Tô Vĩnh H, sinh năm 1980. Địa chỉ liên hệ: đường L, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/11/2013) (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Tiên Đạt T, sinh năm 1975 (có mặt)

Cư trú tại: ấp T3, xã T4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Hải L, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: ấp T3, xã T4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Ông Lý Thành N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cư trú tại: ấp T3, xã T4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

3. Văn phòng công chứng P (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: đường P, phường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị M, Trưởng Văn phòng là người đại diện theo pháp luật

Cư trú tại: đường P, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

4. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

6. Ông Tiên Công M, sinh năm 1989 (vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp T3, xã T4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Thành T, ông Tiên Công M, ông Nguyễn Hoài H: Ông Tiên Đạt T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/8/2014) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn H cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/9/2011, ông H và ông Tiên Đạt T ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 68,3m2, địa chỉ: ấp T3, xã T4, thành phố V, giá chuyển nhượng: 100.000.000đ. Ông H giao ông T đủ số tiền 100.000.000đ. Ông H khởi kiện yêu cầu ông T tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 với ông H.

- Tại đơn phản tố đề ngày 20/7/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tiên Đạt T trình bày:

Ông T không biết ông H, chỉ biết ông Võ Hải L, ông Lý Thành N. Ông T cần số tiền 10.000.000đ để sửa nhà ở nên có nói nhu cầu vay tiền với ông Lý Thành N. Ông N giới thiệu ông T gặp ông Võ Hải L và ông L đồng ý cho ông T vay 10.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 299, tờ bản đồ số 7. Do tin tưởng ông L, không hiểu rõ hậu quả nên ông T ký tên vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011, thửa 299, tờ bản đồ số 7 với suy nghĩ số tiền vay 10.000.000đ, không phải 100.000.000đ. Qua ngày sau là ngày 29/9/2011, ông Lý Thành N hẹn gặp ông T và nói ông L gửi tiền ông T số tiền 8.500.000đ.

Ông N giải thích lý do không giao đủ 10.000.000đ: khấu trừ 1.000.000đ tiền hoa hồng môi giới và 500.000đ tiền lãi tháng đầu tiên. Ông T đã trả tiền lãi với lãi suất 5%/tháng, tương ứng số tiền 500.000đ/tháng từ tháng 10/2011 đến 29/3/2012 là 6 tháng, với số tiền 3.000.000đ do ông N nhận, có ký sổ của ông T giữ.

Tháng 9/2013, ông Võ Hải L bỏ trốn khỏi địa phương. Ông H tìm gặp ông T đề nghị giao nhà, đất thì ông T mới biết hợp đồng chuyển nhượng ghi giá 100.000.000đ, không phải 10.000.000đ. Ông T đã làm đơn tố cáo ông Võ Hải L, Lý Thành N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long và nhận được văn bản trả lời không đủ cơ sở khởi tố ông L, ông N về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hướng dẫn khởi kiện vụ án tranh chấp dân sự.

Theo yêu cầu khởi kiện của ông H, ông T không thừa nhận có nhận từ ông H số tiền 100.000.000đ và phản tố yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011, thửa 299, tờ bản đồ số 7 giữa ông T với ông H do giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản. Ông T đồng ý trả ông H số tiền 10.000.000đ, cùng tiền lãi theo lãi suất nhà nước quy định từ tháng 4/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm; không đồng ý trả số tiền 90.000.000đ còn lại do ông T không sử dụng đến số tiền 90.000.000đ này.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Bùi Thị H, Nguyễn Thành T, Tiên Công M, Nguyễn Hoài H là vợ và con ông T, thống nhất theo ý kiến ông T trình bày.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 25/02/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Thành N trình bày:

Ông T trình bày với ông N cần vay số tiền 10.000.000đ và có tài sản thế chấp là bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 299. Ông N nói lại ông L và ông L đồng ý cho ông T vay 10.000.000đ. Ông L tự liên hệ ông H để ông H cho ông T vay tiền hình thức ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 28/9/2011. Ông N không biết, không gặp ông H. Ngày 29/9/2011, ông L giao ông N số tiền 8.500.000đ để ông N giao lại ông T và có nói phải trả lãi tháng đầu tiên là 500.000đ, khấu trừ 1.000.000đ hoa hồng môi giới. Ông N xác định có nhận tiền lãi hàng tháng do ông T trả mỗi tháng 500.000đ, lãi suất 5%/tháng của 10.000.000đ, tổng cộng 3.000.000đ từ tháng 10/2011 đến 29/3/2012. Ông N đã giao ông L số tiền ông T trả lãi. Ông N xác định ông T vay chỉ 10.000.000đ và đồng ý với ý kiến ông T trình bày.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, Văn phòng công chứng P do bà Trần Thị M - Trưởng Văn phòng trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 giữa ông Tiên Đạt T với ông Trần Văn H do bà M là công chứng viên thực hiện công chứng. Bà M xác định đã thực hiện đúng vị trí, vai trò, nhiệm vụ công chứng viên, không vi phạm pháp luật trong việc công chứng. Trường hợp Hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 bị vô hiệu là không có lỗi công chứng viên, nếu có thiệt hại phát sinh do ông H, ông T giải quyết với nhau. Văn phòng công chứng P không đồng ý bồi thường thiệt hại nếu có yêu cầu. Bà M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt suốt quá trình tiến hành tố tụng, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

- *Riêng đối với ông Võ Hải L:* Tòa án có văn bản hỏi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long và nhận được văn bản trả lời: Công an thành phố Vĩnh Long đã có Quyết định truy nã số 04, ngày 17/7/2014 truy nã Võ Hải L, bị khởi tố Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định Điều 139 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 17/11/2014, Công an ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can, chưa bắt được Võ Hải L.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn đồng ý hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 giữa ông H với ông T; yêu cầu ông T trả ông H số tiền 100.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 28/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 80 tháng là 60.000.000đ. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Ông Lý Thành N, Võ Hải L, Văn phòng công chứng P vắng mặt. Các đương sự không ai bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 129, 410, 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 14, 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tiên Đạt T. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn H và ông Tiên Đạt T về việc hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 tại phần đất thửa 299, tờ bản đồ số 7. Buộc ông Tiên Đạt T trả ông Trần Văn H số tiền 100.000.000đ và tiền lãi 60.000.000đ; tổng cộng vốn, lãi là 160.000.000đ. Buộc ông Trần Văn H trả ông Tiên Đạt T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 079608, cấp ngày 08/4/2009 do ông Tiên Đạt T đứng tên. Án phí, chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải nộp theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông H khởi kiện ông T tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Các đương sự Võ Hải L Lý Thành N vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Văn phòng công chứng P có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự Bùi Thị H, Nguyễn Thành T, Tiên Công M, Nguyễn Hoài H vắng mặt nhưng đã ủy quyền ông Tiên Đạt T đại diện. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 39, 69, 85, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 và Thỏa thuận ngày 28/9/2011 giữa ông Tiên Đạt T với ông Trần Văn H được các đương sự trình bày tự nguyện ký kết, không bị ép buộc. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tô Vĩnh H là người đại diện theo ủy quyền ông H và ông T thỏa thuận thống nhất nhau đồng ý với yêu cầu phản tố của ông T, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận cùng lập ngày 28/9/2011. Lý do hủy: Đây là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản. Xét thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 68,3m2 cấp ngày 08/4/2009 do ông Tiên Đạt T đứng tên đang do ông Trần Văn H giữ bản chính. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H trình bày không thế chấp, cho mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên với cá nhân, tổ chức nào khác. Vì vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 đã hủy nên buộc ông H trả lại ông T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 299, tờ bản đồ số 7.

[4] Hậu quả của việc hủy hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 là giả tạo, được các bên đương sự đồng ý hủy hợp đồng, nên hợp đồng bị che giấu là hợp đồng vay tài sản có hiệu lực được xem xét, giải quyết. Quyền sử dụng đất thửa 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 68,3m2 vẫn đang do ông T quản lý, sử dụng, chưa bàn giao ông H. Vì vậy, thiệt hại của ông T không có.

Thiệt hại của ông H là số tiền mà ông H đã giao ông T. Ông H trình bày đã giao ông T nhận số tiền 100.000.000đ. Thể hiện tài liệu, chứng cứ chứng minh là ông T đã ký nhận và thừa nhận đúng chữ ký tên, chữ viết của ông T ký, viết ra trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011, Văn bản Thỏa thuận cùng lập ngày 28/9/2011 và Tờ biên nhận đề ngày

28/9/2011 (bút lục 26). Các văn bản này thể hiện số tiền chuyển nhượng là 100.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu ông T trả ông H số tiền 100.000.000đ, yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp thể hiện tại Văn bản Thỏa thuận ngày 28/9/2011 (bút lục 14), Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 (bút lục 18) có dòng chữ "*Tôi đã đọc kỹ hợp đồng*" được ông T thừa nhận đây là dòng chữ do ông T viết ra; chữ viết, chữ ký tên trong các văn bản trên là của ông T. Tờ biên nhận đề ngày 28/9/2011 (bút lục 26) với nội dung: *"Tôi tên Tiên Đạt T đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng đất và mua bán nhà. Vĩnh Long, ngày 28.09.2011 (chữ ký tên và ghi họ và tên Tiên Đạt T)"*. Ông T ghi đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất, bán nhà mà số tiền này theo hợp đồng chuyển nhượng ghi là 100.000.000đ, không phải 10.000.000đ. Vì vậy, ông T cần phải thực hiện nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Dân sự năm 2005. Cụ thể là chịu trách nhiệm dân sự với số tiền 100.000.000đ.

Ông T và ông Lý Thành N cùng trình bày, số tiền ông T thực nhận từ ông N (ông N nhận từ ông L) giao là 10.000.000đ. Tài liệu, chứng cứ chứng minh là Tờ giấy nhận tiền lãi do ông N ký nhận với ông T (bút lục 24). Tuy nhiên, đây là lời trình bày của ông T, ông N và ông H không thừa nhận lời trình bày này mà cho rằng giao ông T nhận số tiền 100.000.000đ. Lời trình bày của ông T, ông N có liên quan ông Võ Hải L. Theo phúc đáp của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long xác định không đủ cơ sở khởi tố các ông L, N về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T, đây là tranh chấp dân sự (bút lục 44). Do ông Võ Hải L bỏ trốn, có lệnh truy nã của cơ quan Công an, chưa bắt được ông L, nên lời trình bày của ông T, ông N liên quan đến số tiền 90.000.000đ còn lại do ông L nhận từ ông H không thể làm rõ được. Vì vậy, lời trình bày này của ông T chưa đủ cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H yêu cầu ông T trả ông H số tiền 100.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông T trả ông H số tiền 100.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu ông T trả ông H tiền lãi của số tiền 100.000.000đ với lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 28/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn 80 tháng là 60.000.000đ. Ông T đồng ý với ông H về mức lãi suất 0,75%/tháng. Xét hợp đồng vay ngày 28/9/2011 là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi (theo ông T trình bày lãi 5%/tháng), nên yêu cầu này của ông H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian từ ngày 28/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 81 tháng 8 ngày được ông H đồng ý tính tròn 80 tháng. Buộc ông T trả ông H số tiền lãi là: 100.000.000đ x 0,75% x 80 tháng = 60.000.000đ.

Dành cho ông T một vụ án khác với ông Võ Hải L về việc tranh chấp số tiền vay theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011,

Thỏa thuận ngày 28/9/2011, cùng số công chứng 3737, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Phương Anh.

[5] Án phí: Buộc ông Tiên Đạt T nộp 8.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T có đơn xin miễn, giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Căn cứ Điều 14 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009, ông T được miễn nộp 1/2 án phí. Ông T còn phải nộp 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai thu số No 016868 ngày 29/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông T còn phải nộp thêm 3.800.000đ.

Buộc ông Trần Văn H nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 4, 7, 127, 129, 137, 425, 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 14, 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Tiên Đạt T.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn H và ông Tiên Đạt T về việc hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011 và Thỏa thuận ngày 28/9/2011, cùng số công chứng 3737, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng P.

Buộc ông Tiên Đạt T trả ông Trần Văn H số tiền gốc 100.000.000đ, tiền lãi 60.000.000đ, tổng cộng 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Buộc ông Trần Văn H trả ông Tiên Đạt T một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 079608, vào sổ số H8664 do Ủy ban nhân dân thị xã V (nay là thành phố V) ký ngày 08/4/2009, thửa 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 68,3m2 do ông Tiên Đạt T đứng tên.

Dành cho ông Tiên Đạt T một vụ án khác với ông Võ Hải L về việc tranh chấp số tiền vay theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/9/2011, Thỏa thuận ngày 28/9/2011, cùng số công chứng 3737, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng P.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối

với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Buộc ông Tiên Đạt T nộp 8.000.000đ (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông T có đơn xin miễn, giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Căn cứ Điều 14 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009, ông T được miễn nộp 1/2 án phí. Ông T còn phải nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 016868 ngày 29/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông T còn buộc nộp thêm 3.800.000đ (ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Buộc ông Trần Văn H nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 016492 ngày 03/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên ông Trần Văn H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 9;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân